TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01/2020/QĐST-DS	*Đ, ngày 18tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – sinh năm 1963

Trú tại: Thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên

Bị đơn: Ông Phạm Trần T -sinh năm 1989

Trú tại: Thôn P, xã X,huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau;

-Bà Phạm Thị T và ông Phạm Trần T cùng thống nhất xác định và thỏa thuận như sau: Cha của bà T và ông T là ông Phạm Đình G qua đời có để lại di sản là 01 ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 569, tờ bản đồ 156 tọa lạc tại P, X, Đ, Phú Yên (di sản này đã được chia xong). Riêng khoảng tiền 14.169.000đ (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi chín ngàn đồng chẵn) mà nhà nước bồi thường tiền đất cho ông G (là cha bà T và ông T) vào năm 2011 do trúng dự án làm đường Quốc lộ 19c, ông T là người trực tiếp nhận và quản lý số tiền trên chưa chia. Nay bà T yêu cầu được chia ½ số tiền trên. Ông T thống nhất sẽ giao lại cho bà T ½ số tiền là 7.084.500đ (Bảy triệu không trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm đồng chẵn). Bà T và ông T xác định ông Phạm Đình G không còn để lại tài sản nào

khác.

- Về án phí DSST:Bà Phạm Thị T và ông Phạm Trần T mỗi người phải chịu 177.112đ (Một trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm mười hai đồng). Phần bà T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai ký hiệu AA/2015 số 0011275 ngày 02/01/2020tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.Bà T được nhận lại 122.888đ (Một trăm hai mươi hai ngàn tám trăm tám mươi tám đồng).

- Kể từ khi có đơn yêu cầu của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sựtương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Long